|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS HIỆP PHƯỚC**  **TỔ SINH – LÝ – HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nhà Bè, ngày 05 tháng 09 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Tổ Sinh – Lý – Hóa Năm học 2020 – 2021**

Căn cứ phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong năm học 2020-2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố;

Căn cứ vào Báo cáo Tổng kết năm học 2019 – 2020 và triển khai nhiệm vụ năm học 2020 – 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Tổ Sinh- Lý – Hóa xây dựng kế hoạch hoạt động năm học 2020 - 2021 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

**1. Bối cảnh năm học**

Năm học 2020-2021 là năm thực hiện các phong trào thi đua *“200 ngày chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp”*, *“Cải cách hành chính”*; thực hiện Chủ đề *“Năm đẩy mạnh hoạt động văn hóa và xây dựng nếp sống văn minh đô thị”*, Cuộc vận động *“Người dân Thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch vì thành phố sạch và giảm ngập nước”*,...

* Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả theo lộ trình Chương trình giáo dục phổ thông 2018, sách giáo khoa mới, đẩy mạnh tập huấn, đào tạo bồi dưỡng chuẩn bị cho các năm tiếp theo; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá; tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục STEM, STEAM, đẩy mạnh hoạt động học sinh tham gia nghiên cứu khoa học;
* Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý học sinh; thực hiện thông tin, truyền thông; mạng internet, trang thông tin điện tử

- Phát huy tính tích cực, chủ động của tổ chuyên môn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường; sự tự chủ trong thực hiện chương trình trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thời lượng dạy học, tạo điều kiện để các nhóm bộ môn tổ chức các chủ đề dạy học, các hoạt động trải nghiệm; tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường.

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức đánh giá học sinh phù hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh;

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá trong quá trình dạy học và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh.

**2. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sắc, thường xuyên của Cán bộ quản lí nhà trường và chuyên viên Phòng giáo dục huyện.

**-** Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị dạy học ngày càng hiện đại. Hàng năm đều bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học nên đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của thầy và trò.

**-** Môi trường học tập nghiêm túc, cảnh quan sạch đẹp.

**-** Giáo viên có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy nên tay nghề chuyên môn vững vàng. Kết quả chuyên môn đạt chỉ tiêu đề ra.

**-** Các thành viên trong tổ có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, nhiệt tình công tác nên luôn hỗ trợ giúp đỡ nhau, không ngại khó. Quan tâm, chăm chút các học sinh yếu, chậm tiếp thu nên tỉ lệ yếu kém có giảm.

**-** Giáo viên sử dụng thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng khá tốt trong giảng dạy.

**-** Học sinh có tiến bộ hàng năm, đa số chăm ngoan, thích tìm tòi nghiên cứu.

**-** Được sự hỗ trợ, phối hợp kịp thời từ phụ huynh nên việc học tập, nền nếp của học sinh ngày càng ổn định.

**3. Khó khăn**

**-** Sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương có nhiều thay đổi nên các yếu tố tiêu cực bên ngoài trường tác động không nhỏ đến tư tưởng, thái độ học tập của các em.

- Về phía giáo viên: Do tình hình giáo viên trẻ, mới ra trường nên trong quản lí lớp chưa hiệu quả, chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lí các tình huống. Việc vận dụng đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy chưa phát huy. Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố chưa tăng.

- Về phía học sinh: Một số học sinh chưa có ý thức cao trong tự học, chưa có thói quen đọc sách, sưu tầm tài liệu liên quan tới nội dung bài; còn thụ động trong giờ học, chưa có sự linh động sáng tạo trong học tập và khả năng tiếp thu hạn chế. Khả năng tư duy một số em còn chậm nên rất vất vả khi tiếp cận kiến thức mới, số ít còn lười biếng trong học tập, vắng tiết phụ đạo, ỷ lại không hợp tác, chưa chuyên cần, chăm chỉ.

**-** Về phía phụ huynh: Một số phụ huynh do cuộc sống khó khăn mải lo kinh tế gia đình nên ít có thời gian quan tâm, chăm sóc con em mình, thiếu sự hợp tác đồng bộ với nhà trường.

**4. Tình hình đội ngũ năm học 2020 – 2021**

  - Tổ có 7 giáo viên. (trong đó đều là giáo viên chính thức)

- Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Trình độ** | **Đạt chuẩn** | **Chuyên Môn** |
| 1 | Nguyễn Thị Minh Duyên | ĐH | Đạt | Sinh học |
| 2 | Trần Thanh Thảo | ĐH | Đạt | Sinh học |
| 3 | Huỳnh Văn Khương | ĐH | Đạt | Sinh học |
| 4 | Nguyễn Phan Phương Hiếu | ĐH | Đạt | Hóa học |
| 5 | Phạm Thị Nhung | ĐH | Đạt | Hóa học |
| 6 | Phạm Thị Thảo | ĐH | Đạt | Vật lý |
| 7 | Đỗ Ánh Ngọc | ĐH | Đạt | Vật lý |

**II. CÁC MỤC TIÊU NĂM HỌC**

**1. Thực hiện chương trình phổ thông hiện hành**

**1.1. Xây dựng Kế hoạch dạy học**

- Xây dựng Kế hoạch dạy học theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông

* **Môn Lý:**

**Về kiến thức**: Cung cấp cho học sinh các kiến thức về các sự vật, hiện tượng và quá trình vật lý quan trọng trong đời sống và sản xuất. Các đại lượng, khái niệm và mô hình vật lý đơn giản, cơ bản quan trọng được sử dụng phổ biến. Những quy luật định tính và một số định luật. Những ứng dụng phổ biến trong đời sống và sản xuất. Những hiểu biết ban đầu về một số phương pháp chung của nhận thức khoa học (phương pháp thực nghiệm và phương pháp mô hình).

**Về kĩ năng**: Học sinh biết quan sát các hiện tượng và các quá trình vật lý trong tự nhiên, trong đời sống hàng ngày hoặc trong các thí nghiệm và từ các nguồn tài liệu khác đề thu thập thông tin cần thiết. Biết sử dụng các dụng cụ đo phổ biến, lắp ráp và tiến hành các thí nghiệm đơn giản. Biết phân tích tổng hợp các thông tin thu được để rút ra kết luận, đề ra các dự đoán đơn giản cũng như đề xuất các phương án thí nghiệm đơn giản để kiểm tra dự đoán.Vận dụng giải thích một số hiện tượng, giải các bài tập suy luận logic. Biết sử dụng các thuật ngữ, các biểu bảng, đồ thị

**Về thái độ:** Hoạt động học tập giúp học sinh nghiêm túc, chăm chỉ, hứng thú, yêu thích tìm tòi khoa học. Xây dựng tác phong tỉ mỉ, cẩn thận, chính xác, hợp tác nhóm tốt khi thu thập thông tin và thực hành thí nghiệm. Vận dụng những kiến thức đã học vào các hoạt động xã hội.

* **Môn Hóa:**

**Về kiến thức**: Bước đầu hình thành kiến thức hóa học phổ thông cơ bản tương đối hiện đại và thiết thực như hóa vô cơ, hóa hữu cơ.

**Về kĩ năng**: Hình thành các kĩ năng học tập, thực hành, vận dụng kiến thức hóa học vào thực tiễn.

**Về thái độ:** Học sinh nghiêm túc, tích cực và hứng thú học tập bộ môn. Biết giải quyết vấn đề một cách khách quan trên cơ sở phân tích khoa học và vận dụng thực tiễn.

* **Môn Sinh**:

**Về kiến thức**: Học sinh mô tả được các kiến thức về hình thái, cấu tạo, các đặc điểm sinh học cũng như tập tính và tầm quan trọng của sinh vật có giá trị kinh tế. Nêu được hướng tiến hóa của sinh vật, nhận biết về các đơn vị, hệ thống phân loại. Kiến thức các quy luật cơ bản về sinh lí, sinh thái, di truyền. Cơ sở khoa học của các biện pháp giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường; các biện pháp kĩ thuật nâng cao năng suất, cải tạo giống cây trồng-vật nuôi.

**Về kĩ năng**: Rèn óc quan sát, mô tả, nhận biết các dạng sinh vật, xác định vị trí và cấu tạo các cơ quan, hệ cơ quan của cơ thể động, thực vật và con người. Học sinh biết thực hành, thí nghiệm và sưu tầm, bảo quản mẫu vật. Vận dụng kiến thức đã học vào nuôi trồng một số động, thực vật địa phương. Kĩ năng tự học, sử dụng tài liệu học tập, lập biểu bảng, sơ đồ… Rèn luyện được năng lực tư duy: Phân tích, đối chiếu, so sánh, khái quát hóa các sự kiện, hiện tượng sinh học.

**Về thái độ:** Có niềm tin khoa học về bản chất các hiện tượng sống và khả năng nhận thức của con người. Có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cho bản thân, công đồng. Sẵn sàng áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật thuộc lĩnh vực sinh học vào nuôi trồng ở gia đình và địa phương. Xây dựng ý thức, thái độ hành vi đúng đắn đối với chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số, sức khoẻ sinh sản, phòng chống HIV/AIDS, lạm dụng ma túy, tệ nạn xã hội.

- Thường xuyên chấn chỉnh, tăng cường kỉ luật, kỉ cương, nền nếp trong việc thực hiện qui chế chuyên môn, qui định chuyên môn như: thực hiện chương trình, điểm số, kiểm tra, đánh giá, xếp lọai học sinh; thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ theo qui định của điều lệ nhà trường THCS (Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT), kế hoạch giảng dạy hàng tuần.

**1.2. Bảng phân bố số tiết dạy của bộ môn**

- Tổ, nhóm chuyên môn xây dựng chương trình chi tiết, thống nhất tiến độ chuyên môn theo khung phân phối chương trình, xác định nội dung phải hoàn thành ở thời điểm kết thúc từng học kì, cả năm: 37 tuần (học kì I: 19 tuần, học kì II: 18 tuần), chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học và có tích hợp, liên môn, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

- Bảng phân bố tiết dạy ở các bộ môn năm học 2020 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Khối 6** | **Khối 7** | **Khối 8** | **Khối 9** |
| **Lý** | 1 tiết x 37 tuần = 37 tiết | 1 tiết x 37 tuần = 37 tiết | 1 tiết x 37 tuần = 37 tiết | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết |
| **Hóa** |  |  | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết |
| **Sinh** | 2 tiết x 37 tuần = 74tiết | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết | 2 tiết x 37 tuần = 74 tiết |

**1.3. Hoạt động dạy học trải nghiệm, giáo dục STEM**

Thực hiện theo chỉ đạo của Sở giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh việc dạy học theo định hướng dạy học: Đề cao hoạt động thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến thực tiễn cuộc sống thông qua các hoạt động nhóm, hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng.

Chương trình Hoạt động trải nghiệm nhằm mục đích tạo cơ hội cho học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học, các lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn trong nhà trường, gia đình và xã hội nhằm đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của học sinh. Tổ chức cho học sinh tham gia tiết học trải nghiệm trong hoặc ngoài nhà trường.

+ Học kỳ I: Tổ chức trải nghiệm ở Thảo Cầm Viên cho học sinh khối 6 (môn Sinh). Hoạt động trải nghiệm “Ứng dụng kiến thức Vật lý trong định hướng nghề nghiệp cho học sinh khối 9” tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Nhà Bè (môn Lý)

+ Học kỳ II: Tổ chức tiết học ngoài nhà trường với Chủ đề Chăm sóc và thu hoạch nông sản cho học sinh khối 9 tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Củ Chi (môn Hóa, Sinh)

Trong hoạt động trải nghiệm từng bước tăng cường giáo dục kỹ năng sống; đổi mới dạy học: phương pháp dạy học theo dự án, dạy học theo chủ đề, dạy học theo phương pháp nghiên cứu khoa học… và bước đầu triển khai một số tiết dạy có sử dụng phương pháp giáo dục STEM, thực hiện lồng ghép trong tiết dạy theo kế hoạch.

Mỗi giáo viên thực hiện 1 tiết dạy học dự án /1 năm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Tên bài** | **Giáo viên thực hiện** | **Thời gian** | **Hình thức** |
| Sinh | Ô nhiễm môi trường | Nguyễn Thị Minh Duyên | Học kì II | Dạy học dự án |
| Sinh | Nguyên tắc lập khẩu phần | Trần Thanh Thảo | Học kì II | Dạy học dự án |
| Sinh | Sinh sản sinh dưỡng do người | Huỳnh Văn Khương | Học kì I | Dạy học dự án |
| Lý | Áp suất chất lỏng | Phạm Thị Thảo | Học kì I | Dạy học dự án |
| Lý | Hai loại điện tích | Đỗ Ánh Ngọc | Học kì II | Dạy học dự án |
| Hóa | Nước | Phạm Thị Nhung | Học kì II | Dạy học dự án |
| Hóa | Axit-Bazơ-Muối | Nguyễn Phan Phương Hiếu | Học kì II | Dạy học dự án |

Tiết học mở rộng không gian

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Nội dung, hình thức** | **Thời gian** | **Học kì** |
| 6 | * Nội dung: Quan sát đặc điểm bên ngoài của lá: * Hình thức: Tiết học tại vườn trường | (11/2020) | I |
| 7 | * Nội dung: Tìm hiểu vai trò của giáp xác trong tự nhiên * Hình thức: Tiết học trải nghiệm “ Thu thập thông tin” | (21 🡪 26/12/2020) | I |
| 9 | * Tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương * Tiết học trải nghiệm “Điều tra tình hình ô nhiễm môi trường ở địa phương” | (03 🡪 08/5/2021) | II |

**1.4. Hoạt động giáo dục khác (câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, …)**

Đẩy mạnh việc thành lập hoạt động nghiên cứu khoa học do giáo viên hướng dẫn và học sinh thực hiện. Phân công:

+ Môn Lý: Cô Đỗ Ánh Ngọc hướng dẫn

Đề tài: Ngôi nhà thông minh

+ Môn Sinh: Thầy Huỳnh Văn Khương hướng dẫn

Đề tài: Sử dụng cây dương xỉ để xử lý asen trong đất

Thành lập câu lạc bộ Vật Lí: Đưa ra các đề tài thảo luận nghiên cứu và cho ra sản phẩm hữu ích và gây hứng thú cho học sinh học tập môn Vật Lí.

Ngoài ra, nhóm Sinh phối hợp cùng giáo viên Công nghệ 7 xây dựng vườn trường.

**1.5. Thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp, lồng ghép, Giáo dục địa phương, giáo dục An ninh và Quốc phòng, …**

Dạy học theo chủ đềđược áp dụng trong một số tiết của chương: Lồng ghép, tích hợp giáo dục cho học sinh bảo vệ môi trường; giáo dục sức khỏe, giáo dục giới tính. Ngoài ra, còn vận dụng giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua việc Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Thực hiện dạy học theo chủ đề tích hợp: Giáo viên bộ môn cần nghiên cứu chương trình các môn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục Công dân, Văn học,...có các nội dung kiến thức chung để xác định nội dung dạy học tích hợp liên môn.

**2. Kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày**

**2.1. Kế hoạch dạy học các môn học (bám sát, nâng cao)**

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện đúng quy định về việc dạy học 2 buổi/ngày. Bám sát, dạy chung các em và phân chia theo nhóm học tập từ trung bình – yếu, giỏi – khá trong tiết dạy. Số tiết giảng dạy ở môn Lý, Hóa tăng cường mỗi tuần 1 tiết/ môn. Xây dựng kế hoạch dạy buổi 2, kiến thức là các dạng ôn tập, các hoạt động luyện tập, bổ trợ kiến thức.

Dạy phụ đạo học sinh yếu vào các tiết trống buổi chiều. Bám sát đối tượng học sinh và theo dõi sự tiến bộ của các em học sinh yếu để có biện pháp khắc phục kịp thời.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi được đầu tư (4 tiết/1 tuần), môn KHTN (2 tiết/ 1tuần), môn thí nghiệm thực hành (2 tiết/ 1tuần), giáo viên được phân công giảng dạy tự tìm hiểu, nghiên cứu thêm các nguồn tài liệu nhằm nâng cao và đa dạng hóa kiến thức.

Nâng cao tiết bồi dưỡng học sinh giỏi: Giáo viên được phân công giảng dạy tự tìm hiểu, nghiên cứu các nguồn tài liệu nhằm mở rộng và đa dạng hóa kiến thức.

**2.2. Hoạt động dạy bồi dưỡng**

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh dự thi “ Thực nghiệm khoa học” thực hiện từ 17/6/2019, phân công 3 tiết/tuần, thi cấp huyện vào tháng 01/2019.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi các môn Lý, Hóa, Sinh và Khoa học tự nhiên; tiến hành thực hiện từ tháng 17/6/2019, mỗi tuần giảng dạy 8 tiết, từ 19/8/2019 giảng dạy 4 tiết/ tuần, tổ chức kiểm tra kiến thức (thi thử) vào ngày 27/ 8/2019, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu học sinh giỏi. Ngoài ra, giáo viên giảng dạy có thể tăng cường thêm các tiết ngoài giờ (chiều thứ bảy).

Tham gia thi Olympic bộ môn do Sở Giáo dục tổ chức (nếu có)

**2.3. Dạy nghề PT**

Công tác giáo dục hướng nghiệp dạy nghề được nhà trường quan tâm. Hằng tháng GV thực hiện việc hướng nghiệp cho học sinh vào tuần thứ 3. Thường xuyên phối hợp với các Trường dạy nghề tổ chức định hướng nghề nghiệp cho học sinh qua các ngành nghề phù hợp với tình hình địa phương. Tiếp tục thực hiện công tác phân luồng sau khi học sinh hoàn thành tốt nghiệp trung học cơ sở.

**3. Các chương trình giáo dục nhà trường**

Kỹ năng sống: Phối hợp với công ty Gaia tổ chức chương trình dạy Kỹ năng sống cho học sinh. Học sinh sẽ được học với từng chủ đề khác nhau trong năm học.

Hoạt động trải nghiệm: Tổ chức cho học sinh tham gia tiết học trải nghiệm trong nhà trường theo kế hoạch chung của Sở, Phòng Giáo dục.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học do giáo viên hướng dẫn học sinh được thực hiện với môn Lý, Sinh.

**III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỆN**

1. Xây dựng tư tưởng, đạo đức tác phong của giáo viên

- 100 % Giáo viên tổ tích cực tham gia các cuộc vận động và các phong trào thi đua trong toàn Ngành; thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- 100 % Giáo viên tổ chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ lí luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- 100 % Giáo viên tổ gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội.

- 100 % Giáo viên tổ tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo.

- 100 % Giáo viên tổ tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

- 100 % Giáo viên tổ thực hiện công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

- 100 % Giáo viên tổ thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

- 100% giáo viên chấp hành tốt “ An toàn giao thông”.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, hạn chế học sinh yếu kém

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn có hiệu quả để giữ vững và nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, hạn chế học sinh yếu kém.

* Chỉ tiêu: Chất lượng giảng dạy theo bình quân chung 3 năm.

+ Môn Sinh: tỷ lệ trên trung bình: 99,6% (khối 6,8); 99,7% (khối 7); 99,9% (khối 9). Toàn trường: 99,7%

+ Môn Lý: tỷ lệ trên trung bình: 96,5% (khối 6); 96,8% (khối 7,9); 96,5% (khối 8). Toàn trường: 97%

+ Môn Hóa: tỷ lệ trên trung bình: 91,5% (khối 8), 94,5% (khối 9). Toàn trường: 93%

**3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh giáo dục học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu**.

**a) Về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.**

- Tổ chức cho học sinh thực hiện các chủ đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài trường, nghiên cứu khoa học, tham quan ngoại khóa…

- Thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xét, bỏ nội dung dạy học.

- Xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết, cụ thể cho từng khối lớp (theo định hướng đổi mới) được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

**b) Về bồi dưỡng học sinh giỏi**

- Chọn học sinh có năng khiếu, thích học các môn Lý, Hóa, Sinh vào đội tuyển.

- Giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi chịu khó đầu tư cho bài dạy; cập nhật, tra cứu thông tin, tham khảo một số đề thi học sinh giỏi cấp Thành phố của một số tỉnh thành khác để cung cấp cho HS; tăng cường rèn kỹ năng thực hành cho học sinh.

**-** Tiếp tục phấn đấu và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, giữ vững học sinh giỏi cấp Thành phố**:** + Cấp Thành phố: 03 (Sinh: 1; Lý: 01; Hóa: 01)

+ Cấp Huyện: 07 (Sinh: 3, Hóa: 2, Lý: 2)

Phấn đấu đạt giải cao trong Hội thi “ Nghiên cứu khoa học”

**c) Về phụ đạo học sinh yếu**

- Giáo viên tăng cường phụ đạo học sinh yếu kém, dạy học theo hướng cá thể; tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy, tạo hứng thú cho học sinh.

- Tổ xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh yếu, kém ngay từ đầu năm học. Tránh tình trạng học sinh không đạt các điều kiện qui định lên lớp.

- Giáo viên chăm chút, đeo bám; động viên, khích lệ kịp thời học sinh yếu có cố gắng trong học tập.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn: Giảm tỉ lệ dưới trung bình.

**4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên.**

- 100% giáo viên nghiên cứu nội dung, chương trình, sách giáo khoa, nắm vững chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định của Bộ GDĐT.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, thao giảng và thi giáo viên dạy giỏi

- Tổ trưởng, dự giờ giáo viên trong tổ ít nhất có 2 tiết dạy/giáo viên/năm; mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 4 tiết/ tháng bài giảng có ứng dụng công nghệ thông tin ở lớp có thiết bị dạy học (màn hình, tivi, máy chiếu...), 2 tiết/ tháng trên bảng tương tác đối với lớp không có thiết bị. Dự giờ đồng nghiệp ít nhất 18 tiết/năm.

- Tất cả giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, không có giáo viên xếp loại yếu theo quy định về tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong dạy học.

- Thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên định kỳ qua từng modun học tập.

- Giáo viên trong tổ giúp đỡ các thành viên trong tổ trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giảng dạy; xử lí tình huống sư phạm...

**5. Tham gia Hội thi, hoạt động chuyên môn trường, Cụm, ngành**

- Tích cực tham gia đầy đủ các hội thi trong khả năng của nhà trường có thể.

- Tạo điều kiện về thời gian và động viên giáo viên và học sinh tích cực học tập để đạt được kết quả cao trong các kì thi Học sinh giỏi.

- Ngoài các hoạt động tập thể, trong kế hoạch tổ chức dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục của từng môn học dành thời lượng cho hoạt động Trải nghiệm sáng tạo, Kỹ năng sống .

- Tích cực hướng dẫn cho học sinh tham gia các hội thi” Nghiên cứu khoa học”, “Dạy học theo chủ đề tích hợp”, “ Phương pháp giảng dạy Stem”, “ Hoạt động trải nghiệm”, “Ngoại khóa”.

- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên, tổ chức thiết thực các hoạt động chuyên môn, làm tốt công tác dự giờ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.

- Giáo viên tham gia đầy đủ các buổi thao giảng, chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo và trường tổ chức nhằm học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề trong công tác giảng dạy.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

**6. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, đánh giá phân loại đội ngũ giáo viên.**

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch của trường; theo kế hoạch kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Qua kiểm tra, ngoài việc đánh giá tay nghề của giáo viên, tổ trưởng phát hiện những hạn chế trong giảng dạy của giáo viên để kịp thời giúp đỡ đồng nghiệp khắc phục những hạn chế ấy.

- Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch tuần, tháng, năm và rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra.

**7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác giảng dạy**

- Sử dụng phần mềm dạy học: Một số bài giảng thiết kế trên phần mềm dạy học ở các phòng học lớp A1, A2, A3... được áp dụng trong giảng dạy.

- Sử dụng bảng tương tác: một tháng 2 tiết/ 1 GV đối với lớp thường và 4 tiết tháng đối với lớp có trang bị thiết bị dạy học. Ngoài ra, các tiết thao giảng cấp Trường, cấp Huyện đều ứng dụng trên bảng tương tác.

- Từng nhóm trong năm học tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, dự giờ, phân tích, rút kinh nghiệm; xây dựng chuyên đề, giờ dạy theo nghiên cứu bài học; tích hợp kiến thực liên môn, nội môn...

**8. Tiếp tục phát huy công tác đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá:**

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, gắn đổi mới phương pháp dạy học triệt để hơn, sâu rộng hơn đến từng giáo viên; đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh theo tinh thần Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 về áp dụng phương pháp dạy học theo chủ đề và các phương pháp dạy học tích cực khác; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức; đẩy mạnh việc vận dụng dạy học giải quyết vấn đề, các phương pháp thực hành, dạy học theo dự án; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với nội dung bài học; tập trung dạy cách học, cách nghĩ; bảo đảm cân đối giữa trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; chú ý việc tổ chức dạy học phân hoá phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

Xây dựng kế hoạch giảng dạy theo chương trình khung chuẩn của Bộ Giáo dục, chú trọng nội dung giảm tải. Ứng dụng giảng dạy trên bảng tương tác giúp học sinh tiếp cận công nghệ hiện đại. Khuyến khích các em tham gia nghiên cứu khoa học. Hướng dẫn học sinh nâng cao tính tự học, tự nghiên cứu.

Thực hiện tiết dạy theo định hướng phát triển năng lực của học sinh. Phát huy tính tích cực, sáng tạo, chủ động của học sinh.

Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức học tập; sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học; ngoài việc tổ chức cho học sinh các nhiệm vụ học tập trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường. Dạy học theo hướng cá thể hoá, hệ thống hoá kiến thức bằng sơ đồ tư duy.

Đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh. Chú trọng đánh giá quá trình: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án; bài thuyết trình;kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

**9. Đổi mới sinh hoạt Tổ chuyên môn**

Giáo viên tham gia đầy đủ các buổi thao giảng, chuyên đề do Phòng Giáo dục và Đào tạo và trường tổ chức nhằm học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn và tay nghề trong công tác giảng dạy.

Quan tâm hoạt động trao đổi chuyên môn, ít nhất 1 chuyên đề/môn/năm học.

Về sinh hoạt tổ nhóm: Các tổ nhóm sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng, theo lịch định kì, theo ngày giờ qui định của nhà trường.

+ **Tuần 1**: Sinh hoạt chuyên môn cấp Huyện: thao giảng, chuyên đề…

+ **Tuần 3**: Sinh hoạt chuyên môn tại trường: kiểm điểm công tác tháng qua, triển khai kế hoạch công tác tháng sau; các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học; bàn bạc các bài dạy khó, nội dung khó trong tháng; nội dung giảm tải; thống nhất chương trình khung; thực hiện chuyên đề thao giảng.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Chủ động thực hiện các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch đã xây dựng

Tham dự các buổi tập huấn phương pháp dạy học mới (STEM), chia sẻ kinh nghiệm, cách thức tổ chức để các thành viên đều nắm rõ.

**10. Các hoạt động chuyên môn khác:**

Tham gia tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, dạy nghề theo kế hoạch của Phòng, trường. Giảng dạy Kỹ năng sống theo kế hoạch nhà trường.

Hợp tác với Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Huyện để có buổi sinh hoạt tư vấn hướng nghiệp và làm tốt công tác phân luồng học sinh sau TN.THCS.

**V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT: Không**

Trên đây là kế hoạch năm học 2020-2021 nhằm thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường của Tổ Sinh – Lý – Hóa./.

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | **Tổ trưởng**  **Nguyễn Thị Minh Duyên** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**PHỤ LỤC 1**

**ĐĂNG KÝ THI ĐUA**

**1. Danh hiệu thi đua cá nhân:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Đăng ký**  **danh hiệu thi đua** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Thị Minh Duyên | TTCM | CSTĐ cấp cơ sở |  |
| 2 | Trần Thanh Thảo | GV | CSTĐ cấp cơ sở |  |
| 3 | Nguyễn Phan Phương Hiếu | GV | CSTĐ cấp cơ sở |  |
| 4 | Phạm Thị Thảo | GV | CSTĐ cấp cơ sở |  |
| 5 | Phạm Thị Nhung | GV | Lao động tiên tiến |  |
| 6. | Đỗ Ánh Ngọc | GV | Lao động tiên tiến |  |
| 7 | Huỳnh Văn Khương | GV | Lao động tiên tiến |  |

**PHỤ LỤC 2**

**KẾ HOẠCH THAO GIẢNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Giáo viên thao giảng** | **Thời gian (Trường)** | **Thời gian (Huyện)** |
| 1 | Trần Thanh Thảo | 9/2020 (+chuyên đề) |  |
| 2 | Nguyễn Phan Phương Hiếu | 10/2020 |  |
| 3 | Phạm Thị Thảo | 11/2020 (+chuyên đề) |  |
| 4 | Huỳnh Văn Khương | 12/2020 |  |
| 5 | Phạm Thị Nhung | 2/2021 (chuyên đề) |  |
| 6 | Đỗ Ánh Ngọc | 3/2021 |  |
| 7 | Nguyễn Thị Minh Duyên | 4/2021 |  |

**PHỤ LỤC 3**

**LỊCH THỰC HIỆN NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, hình thức** | **Đối tượng** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| 1 | Theo Kế hoạch và PPCT khung | GV | Từ tuần 1🡪37 |  |

**PHỤ LỤC 4**

**DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**1. Kế hoạch thực hiện chuyên đề.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chuyên đề** | **Người thực hiện** | **Khối** | **Nội dung**  **công việc** | **Môn học liên quan (Chủ đề liên môn)** | **Ghi chú** |
| Tháng 9/2020 | Tích hợp giáo dục Bảo vệ môi trường trong môn Sinh học 7 | Trần Thanh Thảo | 7 | Dạy học theo dự án | Sinh học, GDCD, Văn, Địa lý |  |
| Tháng 11/2020 | Ứng dụng phương pháp dạy học theo dự án trong bộ môn Vật Lí | Phạm Thị Thảo | 8 | Dạy học theo dự án | Sinh học  Hóa học |  |
| Tháng 02/2021 | Ngoại khóa STEM môn Hóa | Phạm Thị Nhung | 8 | Dạy học theo STEM | Sinh học |  |

**Dạy học theo chủ đề**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chủ đề** | **Người thực hiện** | **Khối** | **Môn học liên quan (Chủ đề liên môn)** | **Ghi chú** |
| 8/3 🡪 13/3/2021 | Chủ đề: Vai trò của thực vật | Huỳnh Văn Khương | 6 | Sinh học, GDCD, Văn, Địa lý |  |
| 1/3 🡪 20/3/2021 | Chủ đề: Lớp thú | Trần Thanh Thảo | 7 | Sinh học  Địa lý |  |
| 22/2 🡪 26/3/2021 | Chủ đề: Các cơ quan phân tích | Huỳnh Văn Khương  Trần Thanh Thảo  Nguyễn Thị Minh Duyên | 8 | Vật lý |  |
| 22/2 🡪 26/3/2021 | Chủ đề: Hệ sinh thái | Nguyễn Thị Minh Duyên | 9 | Sinh học  Địa lý  GDCD |  |
| HKII | Chủ đề: Oxi, Hiđô, Dung dịch | Nguyễn Phan Phương Hiếu  Phạm Thị Nhung | 8 | Sinh học  Địa lý  Vật lý |  |
| HKI | Chủ đề: Oxit, Axit, Bazơ, Muối | Nguyễn Phan Phương Hiếu  Phạm Thị Nhung | 9 | Sinh học  Địa lý  Vật lý |  |

**2. Ngoại khóa**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung, hình thức** | **Đối tượng** | **Thời gian** | **Ghi chú** |
| 1 | * Chủ đề: Sinh dưỡng của thực vật (nội dung có thể thay đổi theo kế hoạch của Sở Giáo dục) * Hoạt động trải nghiệm tại Thảo Cầm Viên | Học sinh khối 6,7 | HKI |  |
| 2 | * Chủ đề: Ứng dụng kiến thức Vật lý trong định hướng nghề nghiệp * Tham gia học tập tại Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp dạy nghề Nhà Bè | Học sinh khối 9 | HKII |  |
| 3 | * Chủ đề: Ứng dụng Di truyền học * Tham gia học tập tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Củ Chi | Học sinh khối 9 | HKI |  |

**III. KIỂM TRA CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THÁNG** | **HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN** | **LỚP DẠY** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** |
| 1/10–31/10/2020 | Phạm Thị Nhung | Hóa: K9 (3,4,5), 8 (1,5,7) | Kiểm tra công tác chủ nhiệm |
| 11/2020 | Phạm Thị Thảo | Lý: K9 (1🡪6), 8 (1🡪7) | Kiểm tra hoạt động sư phạm |
| 12/2020 | Huỳnh Văn Khương | Sinh: K8 (5,6), K6 (1🡪8) | Tiết học dự án |
| 03/2021 | Huỳnh Văn Khương | Sinh: K8 (5,6), K6 (1🡪8) | Kiểm tra hoạt động sư phạm |
| 3/2021 | Đỗ Ánh Ngọc | Lý: K6(1🡪8), K7 (1🡪8) | Kiểm tra hoạt động sư phạm |
| 4/2020 | Nguyễn Thị Minh Duyên | Sinh:K8(6,7), K9(1🡪6) | SHCM theo hướng nghiên cứu bài học |

**IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN THEO THÁNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Phụ trách** |
| Tháng 9/2020 | - Khai giảng năm học  - Thực hiện chương trình từ 19/8/2019  - Họp chuyên môn cấp trường  - Hoàn tất các loại hồ sơ sổ sách: tổ, cá nhân.  - Thao giảng, chuyên đề cấp trường môn Sinh  - Bồi dưỡng học sinh giỏi, khoa học TN  - Hoàn tất kế hoạch năm học, bộ môn  Sinh hoạt chủ điểm: Truyền thống nhà trường | Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  C.Thanh Thảo  CDuyên, CHiếu, C. Thảo Lí  C. Ngọc C.Hiếu, T.Khương  Theo phân công |
| Tháng 10/2020 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Sinh hoạt chuyên môn cấp huyện  - Thao giảng cấp trường môn Hóa  - Bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9  - Hoàn tất hồ sơ nghiên cứu khoa học  -Thực hiện kiểm tra:  +15’: Hóa 8,9, Lý 6,7 (2),8,9, Sinh 6,7,8,9  - Thực hiện kiểm tra nội bộ (C. Nhung)  - Dự giờ theo qui định.  - Họp chuyên môn cấp trường  - Sinh hoạt chủ điểm: Chăm ngoan học giỏi. | Cả tổ  Theo lịch PGD  Cả tổ  C.Duyên,C.Hiếu,C.Thảo Lí  C.T.Thảo, C.Nhung  C.Ngọc, T.Khương  Theo kế hoạch  Tổ trưởng  GV tổ  Cả tổ  GV có chủ nhiệm |
| Tháng 11/2020 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Sinh hoạt chuyên môn cấp huyện  - Họp chuyên môn và thao giảng tổ môn Lý  - Dạy học theo dự án: Ứng dụng STEM trong dạy học Vật Lí  - Kiểm tra việc vào sổ điểm tháng 10  - Bồi dưỡng HS giỏi.  - Dự giờ theo qui định  - Tiết học mở rộng không gian môn Sinh  - Thực hiện kiểm tra:  +15p: Lý 9  +1 tiết: Sinh: 6,7,8,9. Lý 6,7,8. Hóa 8,9.  - Sinh hoạt chủ điểm : Tôn sư trọng đạo | Cả tổ  GV bộ môn- theo lịch PGD  Cả tổ  C.P.Thảo  BGH  Theo phân công  GV tổ  T.Khương  Theo lịch kiểm tra  Theo lịch kiểm tra  GV có chủ nhiệm |
| Tháng 12/2020 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Sinh hoạt chuyên môn cấp huyện  - Họp tổ chuyên môn. Thao giảng môn Sinh  - Dự giờ theo qui định.  - Tiếp tục bồi dưỡng HS giỏi  - Phụ đạo HS yếu  - Hoàn tất cột kiểm tra của các khối lớp.  - Sinh hoạt chuyên môn huyện  - Tuyên truyền về phòng chống ma túy và HIV/AIDS  - Tiết học mở rộng không gian môn Sinh  - Thực hiện kiểm tra:  + 15p: Sinh:6,7,8,9. Lý 6,7,8,9  +1 tiết: Hóa 8,9. Lý 9  - Ôn tập + Kiểm tra học kỳ I  - Thực hiện kiểm tra nội bộ (T.Khương)  - Tham gia tiết học trải nghiệm tại Thảo Cầm Viên (học sinh khối 6,7)  - Tham gia học tập tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Củ Chi (học sinh khối 9) | GV tổ  Theo lịch PGD  GV tổ  Cả tổ  GV dạy  Cả tổ  GV tổ  Theo lịch PGD  Nhóm Sinh  C.Thanh Thảo  Theo lịch kiểm tra  Theo lịch kiểm tra  Cả tổ  Tổ trưởng  Nhóm Sinh  Nhóm Sinh |
| Tháng 01/2021 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Sinh hoạt chuyên môn huyện  - Họp tổ chuyên môn trường  - Dự giờ theo qui định.  - Bồi dưỡng HS giỏi  - Phụ đạo HS yếu theo TKB  - Hoàn tất cột kiểm tra của các khối lớp.  - Thực hiện kiểm tra:  + 15p: Hóa 8,9. Sinh: 6,7,8,9  - Ôn tập + kiểm tra học kỳ I  - Thi học sinh giỏi cấp trường lần 2  - Hoạt động ngoại khóa: Ngày hội khoa học  - Sinh hoạt chủ điểm: Mừng Đảng mừng Xuân | Cả tổ  Theo lịch của PGD  Cả tổ  Cả tổ  Theo phân công  Cả tổ  Cả tổ  Theo lịch kiểm tra  GV tổ  Theo kế hoạch trường  Cả tổ  GV có chủ nhiệm |
| Tháng 02/2021 | - Hoàn tất chuyên môn HKI và CT học kỳ II.  - Họp tổ + thao giảng môn Hóa  - Dự sinh hoạt chuyên môn huyện  - Hoàn tất các loại hồ sơ sổ sách, điểm số, xếp loại, đánh giá học kỳ I  - Dự giờ theo qui định.  - Thực hiện kiểm tra:  + 15p: Hóa 8,9. Sinh: 6,7,8,9. Lý 7,8,9  -Thi học sinh giỏi cấp Huyện (vòng 2)  - Bồi dưỡng học sinh giỏi cấp huyện thi cấp Thành phố ( nếu có)  - Nghỉ tết Nguyên Đán (8/2 đến 16/2/2021)  - Báo cáo và sơ kết học kỳ I.  - Ngoại khóa STEM môn Hóa  - Sinh hoạt chủ điểm: Uống nước nhớ nguồn | GV tổ  Cả tổ  Theo lịch PGD  Theo kế hoạch trường  Cả tổ  Theo lịch kiểm tra  Theo kế hoạch PGD  GV dạy  Cả tổ  Theo phân công  Nhóm Hóa  GV có chủ nhiệm |
| Tháng 03/2021 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Dự sinh hoạt chuyên môn huyện  - Họp tổ + thao giảng môn Lý  - Thi HS giỏi thi cấp Huyện (nếu có).  - Thực hiện kiểm tra:  +15p: Hóa 8,9. Sinh; 6,7,8,9. Lý 6,8,9  +1 tiết: Lý 9, Sinh 6  - Hoàn tất đề cương ôn tập thi học kỳ II.  - Thi thực hành GV giỏi lần 1(nếu có)  - Kiểm tra nội bộ (C. Ngọc, T.Khương, C.Duyên)  - Sinh hoạt chủ điểm: Tiến bước lên đoàn | GV tổ  Theo lịch PGD  Cả tổ  GV được phân công  Theo lịch kiểm tra  Theo lịch kiểm tra  Theo phân công  GV dự thi  TTCM  GV có chủ nhiệm |
| Tháng 4/2021 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Dự sinh hoạt chuyên môn huyện  - Họp tổ chuyên môn, thao giảng môn Sinh  - Thi HS giỏi thi cấp Thành phố (nếu có).  - Tăng cường phụ đạo HS yếu theo TKB.  - Dự giờ theo qui định.  - Thực hiện kiểm tra:  + 15p: Hóa 8, Sinh 6,7,8,9. Lý 6,9  + 1 tiết: Lý 6,7,8, Hóa 8,9, Sinh 7,8,9.  - Ngoại khóa về môi trường  - Hoàn tất cột kiểm tra trước khi kiểm tra HKII  - Ôn tập + kiểm tra học kỳ II  - Sinh hoạt chủ điểm: Hoà bình và hữu nghị | GV tổ  Theo lịch PGD  GV tổ  Theo phân công  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Theo lịch kiểm tra  Theo lịch kiểm tra  Nhóm Sinh, Hóa  Cả tổ  Cả tổ  GV chủ nhiệm |
| Tháng 5/2021 | - Thực hiện chuyên môn trong tháng.  - Hoàn tất chương trình học kỳ II.  - Họp tổ chuyên môn  - Hoàn tất các loại hồ sơ sổ sách, điểm số, xếp loại, đánh giá học kỳ II.  - Hoàn tất báo cáo cuối năm, báo cáo trực tuyến  - Sinh hoạt chủ điểm: Bác Hồ kính yêu  - Họp tổ xét thi đua. Tổng kết năm học. | GV tổ  GV tổ  GV tổ  Cả tổ  Theo phân công  GV có chủ nhiệm  Cả tổ |
| Tháng 6/2021 | * Thi tuyển sinh 10 | GV có chủ nhiệm khối 9 |

**DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

Nguyễn Thị Minh Duyên

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  **NĂM HỌC: 2020 – 2021 - MÔN: HÓA 8**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | 2 | Bài thực hành 1 |  | Thí nghiệm 1 không làm |  |  | | 3 | Nguyên tử |  | Mục 3. Lớp electron(bỏ)  BT4,5/15,16 không dạy |  |  | | Nguyên tố hóa học |  | Mục III không dạy |  |  | | 5 | Đơn chất-hợp chất-phân tử(III) |  | Mục IV, mục 5 (ghi nhớ), BT8/26, h.1.14 không dạy |  |  | | 17 | Tính theo phương trình hóa học(tt) |  | BT4,5 không làm |  |  | | 22 | Điều chế khí oxi. Phản ứng phân hủy |  | Điều chế oxi trong công nghiệp không dạy |  |  |   **MÔN: HÓA 9**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG**  **KIỂM TRA** | | 3 | Một số axit quan trọng (A, B: I,II.1) |  | Mục A: không dạy |  |  | | 4 | Một số axit quan trọng (tt) (II.2, III, IV, V) |  | BT4 không làm |  |  | | 6 | Một số bazơ quan trọng (A) |  | BT2 không làm |  |  | | 7 | Một số bazơ quan trọng (tt) (B) |  | Hình vẽ thang pH không dạy |  |  | | Tính chất hóa học của muối |  | BT6 không làm |  |  | | 8 | Một số muối quan trọng |  | Mục II không dạy |  |  | | Phân bón hóa học |  | Mục I không dạy |  |  | | 11 | Tính chất vật lý của kim loại |  | Thí nghiệm tính dẫn điện, dẫn nhiệt không dạy |  |  | | Tính chất hóa học của kim loại |  | BT7 không làm |  |  | | 12 | Nhôm |  | Hình 2.14 không dạy |  |  | | 14 | Hợp kim sắt: Gang và thép |  | Không dạy các lò sản xuất gang, thép |  |  | | 15 | Luyện tập chương 2: Kim loại |  | BT6 không làm |  |  |   **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  **NỘI DUNG: DẠY HỌC, GIẢM TẢI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**  **NĂM HỌC: 2020 – 2021- MÔN: SINH 6**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | 5 | Cấu tạo miền hút của rễ |  | Bảng 32: Chỉ liệt kê các bộ phận không chi tiết | 1tiết |  | | 8 | Cấu tạo trong của thân non |  | Bảng 49, lưu ý mạch gỗ,mạch rây | 1tiết |  | | 11 | Cấu tạo trong của phiến lá |  | Phần 2: Chỉ dạy tế bào lục lạp, lỗ khí và chức năng, C4&5/67 | 1tiết |  | | 13 | Cây có hô hấp không? |  | Câu 4, 5 | 1tiết |  | | 15 | Sinh sản sinh dưỡng do người |  | Mục 4 **,** C4 | 1tiết |  | | 24 | Tảo |  | Mục 1 &2: chỉ giới thiệu qua hình, C1,2& 4, C3: Không trả lời cấu tạo | 1tiết |  | | 26 | Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm |  | Mục 2: Không so sánh hạt kín với nón hạt trần | 1tiết |  | | 27 | Ôn tập |  | C3/ trang 136 | 1tiết |  | | 28 | Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật |  | Không dạy chi tiết chỉ giới thiệu chung về phân loại TV | 1tiết |  | | Luyện tập |  | Đọc thêm không dạy, ghi vào tiêt luyện tập | 1tiết |  |   **MÔN: SINH 7**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | 2 | Trùng roi |  |  | 1tiết |  | | 3 | Trùng biến hình |  | Mục 1 phần II: Cấu tạo, C3/22 | 1tiết |  | | 4 | Đặc điểm chung và vai trò… |  | Trùng lỗ | 1tiết |  | | Thủy tức |  | Bảng 30, cấu tạo và chức năng, C3/ 32 | 1tiết |  | | 6 | Sán lá gan |  | Bảng 42+ lệnh /41 | 1tiết |  | | Một số giun dẹp khác |  | II.Đặc điểm chung | 1tiết |  | | 7 | Một số giun tròn |  | II. Đặc điểm chung | 1tiết |  | | 8 | Mổ và quan sát cấu tạo trong của giun đất |  | dạy Thực hành | 1tiết |  | | 9 | Một số giun đất – đặc điểm chung… |  | II. . Đặc điểm chung | 1tiết |  | | 12 | Quan sát cấu tạo ngoài tôm sông |  | Thực hành quan sát cấu tạo ngoài và di chuyển | 1tiết |  | | 14 | Lớp sâu bọ: Châu chấu |  | III: Dinh dưỡng - H26.4, C3/88: | 1tiết |  | | 17 | Thực hành: Mổ cá |  | Thực hành: Cấu tạo+ hoạt động | 1tiết |  | | 23 | Sự đa dạng và đặc điểm chung của bò sát |  | Lệnh I | 1tiết |  | | 25 | Sự đa dạng và vai trò của lớp chim |  | Lệnh: và H44.3/145: Bỏ, C1/ 146 | 1tiết |  | | 27 | Bộ thú huyệt, bộ thú túi, bộ dơi, bộ cá voi |  | Lệnh phần II /157  C2/ 158, 160 | 1tiết |  | | 28 | Bộ: sâu bọ- gặm nhấm - ăn thịt- móng guốc |  | Lệnh, C1/164, 165 | 1tiết |  | | 29 | Ôn tập kiểm tra 1 tiết |  | Bài 53 giảm tải | 1tiết |  |   **MÔN: SINH 8**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | 1 | Cấu tạo cơ thể người |  | Phần II | 1tiết | Các phần cơ thể, hệ cơ quan | | 2 | Tế bào |  | III, câu 4: không giải | 1tiết |  | | 4 | Bộ xương |  | Phần II | 1tiết |  | | 11 | Hô hấp và các cơ quan hô hấp |  | Bảng 20, câu 2/ 67: | 1tiết |  | | 15 | Hấp thụ chất dinh dưỡng-vệ sinh hệ tiêu hóa |  | Hình 29.2 + nội dung: | 1tiết |  | | 25 | Trụ não, tiểu não, não trung gian |  | Lệnh so sánh, Bảng 46/145 | 1tiết |  | | 26 | Hệ thần kinh sinh dưỡng |  | 48.2, Bảng 48.2, C2 / 154 : | 1tiết |  | | 27 | Cơ quan phân tích thị giác |  | H 49.1+ nội dung lệnh/155**,** H49.4 + lệnh | 1tiết |  | | 28 | Cơ quan phân tích thính giác |  | 51.2 + nội dung,C1/165 | 1tiết |  |   **MÔN: SINH 9**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **NỘI DUNG TÀI LIỆU BỔ TRỢ DẠY HỌC** | **GIẢM TẢI** | **THỜI LƯỢNG DẠY HỌC** | **NỘI DUNG KIỂM TRA** | | 1 | Menden và di truyền học |  | Câu 4 sgk/ 7 | 1tiết |  | | Lai một cặp tính trạng |  | Câu 4 skg/ 10 | 1tiết |  | | 2 | Lai một cặp tính trạng (tt) |  | II, câu 3/ 13 | 1tiết |  | | 5 | Nguyên phân |  | Câu 1 sgk/ 30 | 1tiết |  | | Giảm phân |  | Câu 2 sgk/ 33 | 1tiết |  | | 7 | Di truyền liên kết |  | Câu 2, 4 sgk/ 43 | 1tiết |  | | 9 | Protein |  | Lệnh sgk/ 55 | 1tiết |  | | 10 | Mối quan hệ giữa gen và tính trạng |  | Lệnh sgk/ 58 | 1tiết |  | | 12 | Đột biến số lượng NST |  | Lệnh sgk/ 67 | 1tiết |  | | 13 | Đột biến số lượng NST (tt) |  | Phần IV | 1tiết |  | | 17 | Luyện tập |  | Bài 33 giảm tải cả bài. | 1tiết |  | | 21 | Luyện tập |  | Bài 36 giảm tải cả bài | 1tiết |  |   **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**  **MÔN: VẬT LÝ KHỐI 6**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **GHI CHÚ** | | ***1*** | **Chương I – CƠ HỌC**  Tiết 1: Đo độ daì | ***Thước*** |  | | ***2*** | Tiết 2: Đo thể tích chất lỏng | ***Bình chia độ*** |  | | ***3*** | Tiết 3: Đo thể tích vật rắn không thấm nước | ***Bình chia độ, bình tràn, bình chứa*** |  | | ***4*** | Tiết 4: Khối lượng. Đo khối lượng | ***cân*** |  | | ***5*** | Tiết 5: Lực. Hai lực cân bằng | ***-*** |  | | ***6*** | Tiết 6: Tìm hiểu kết quả tác dụng của lực | ***Lực kế*** |  | | ***7*** | Tiết 7: Trọng lực.Đơn vị lực | ***Lực kế, quả nặng*** |  | | ***8*** | Tiết 8: Ôn tập | ***-*** |  | | ***9*** | *Tiết 9: Kiểm tra 1 tiết* | ***-*** |  | | ***10*** | Tiết 10: Lực đàn hồi | ***Lò xo*** |  | | ***11*** | Tiết 11: Lực kế. Phép đo lực | ***Lực kế,quả nặng*** |  | | ***12*** | Tiết 12: Khối lượng riêng. Trọng lượng riêng | ***-*** |  | | ***13*** | Tiết 13: Ôn Tập |  |  | | ***14*** | Tiết 14: Thực hành: Xác định khối lượng riêng của đá | ***Cân, binh chia dộ*** |  | | ***15*** | Tiết 15: Máy cơ đơn giản | ***-*** |  | | ***16*** | Tiết 16: Mặt phẳng nghiêng | Mặt phẳng nghiêng |  | | ***17*** | Tiết 17: Đòn bẩy | Đòn bẩy |  | | ***18*** | Tiết 18: Ôn tập |  |  | | ***19*** | Tiết 19: Kiểm tra học kì I |  |  | | ***20*** | **Chương I – CƠ HỌC**  Tiết 20: Ròng rọc | **Giá đỡ, ròng rọc, quả nặng** |  | | ***21*** | Tổng kết phần I: Cơ học.Ôn tập |  |  | | ***22-23*** | **Chương II – NHIỆT HỌC**  Tiết 22,23: Sự nở vì nhiệt của chất rắn | **Băng kép, đèn cồn** |  | | ***24*** | Tiết 24: Sự nở vì nhiệt của chất lỏng | Bình cầu, ống thủy tinh,nút cao su |  | | ***25*** | Tiết 25: Sự nở vì nhiệt của chất khí | Bình cầu, ống thủy tinh,nút cao su |  | | ***26*** | Tiết 26: Nhiệt kế. Nhiệt giai | Nhiệt kế y tế, nhiệt kế phòng thí nghiệm |  | | ***27*** | Tiết 27: Thực hành: Đo nhiệt độ | Giá thí nghiệm, nhiệt kế PTN, đèn cồn |  | | ***28*** | Tiết 28: Ôn tập | - |  | | ***29*** | *Tiết 29: Kiểm tra 1 tiết* | *-* |  | | ***30-31*** | Tiết 30,31: Sự nóng chảy và sự đông đặc | Giá thí nghiệm, nhiệt kế PTN, đèn cồn |  | | ***32-33*** | Tiết 32,33: Sự bay hơi và sự ngưng tụ | - |  | | ***34-35*** | Tiết 34,35: Sự sôi |  |  | | ***36*** | Tiết 36: Ôn tập |  |  | | ***37*** | Tiết 37: Kiểm tra học kì II |  |  |   **MÔN: VẬT LÝ 7**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **GHI CHÚ** | | **1** | **Chương I- Quang học**  Tiết 1: Nhận biết ánh sáng. Nguồn sáng và vật sáng | Đèn pin |  | | **2** | Tiết 2: Sự truyền ánh sáng | Đèn pin, ống thẳng, ống cong |  | | **3** | Tiết 3: Ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng | - |  | | **4** | Tiết 4: Định luật phản xạ ánh sáng | Gương phẳng, đinh ghim |  | | **5** | Tiết 5: Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng | Gương phẳng |  | | **6** | Tiết 6: Thực hành : Quan sát và vẽ ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng | Gương phẳng, đinh ghim, tấm kính, mẫu báo cáo |  | | **7** | Tiết 7: Gương cầu lồi | Gương cầu lồi |  | | **8** | Tiết 8: Gương cầu lõm | Gương cầu lồi, Gương cầu lõm |  | | **9** | Tiết 9: Ôn tập tổng kết phần I Quang học | **-** |  | | **10** | Tiết 10: Kiểm tra 1 tiết | **-** |  | | **11** | **Chương II: Âm học**  Tiết 11: Nguồn âm | Trống, âm thoa,dùi |  | | **12** | Tiết 12: Độ cao của âm | Trống, dùi |  | | **13** | Tiết 13: Độ to của âm |  |  | | **14** | Tiết 14: Môi trường truyền âm | **-** |  | | **15** | Tiết 15: Sự phản xạ âm | **-** |  | | **16** | Tiết 16: Ô nhiễm do tiếng ồn | **-** |  | | **17** | Tiết 17: Ôn tập tổng kết phần II : Âm học | **-** |  | | **18** | Tiết 18: Ôn tập | **-** |  | | **19** | Tiết 19: Kiếm tra học kì I | **-** |  | | **20** | **Chương III: Điện học**  Tiết 20: Nhiễm điện do cọ xát | Thanh nhựa |  | | **21** | Tiết 21: Hai loại điện tích | Máy phát tĩnh điện |  | | **22** | Tiết 22:Dòng điện-Nguồn điện | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn |  | | **23** | Tiết 23: Chất dẫn điện và chất cách điện. Dòng điện trong kim loại | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn, mỏ lẹp |  | | **24** | Tiết 24: Sơ đồ mạch điện. Chiều dòng điện | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn |  | | **25** | Tiết 25: Tác dụng nhiệt và tác dụng phát sáng của dòng điện | - |  | | ***26*** | Tiết 26: Tác dụng từ, tác dụng hóa học và tác dụng sinh lí của dòng điện | - |  | | ***27*** | Tiết 27: Ôn tập | - |  | | ***28*** | *Tiết 28: Kiểm tra 1 tiết* | *-* |  | | ***29*** | Tiết 29: Cường độ dòng điện | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn, am pe kế |  | | ***30-31*** | Tiêt 30-31: Hiệu điện thế | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn, vôn kế |  | |  |  |  |  | | ***32*** | Tiết 32: Thực hành:Đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế đối vối đoạn mạch nối tiếp | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn, ampe kế, vôn kế, mẫu báo cáo |  | | ***33*** | Tiết 33: Thực hành:Đo cường độ dòng điện và hiệu điện thế đối vối đoạn mạch song song | Nguồn điện, dây dẫn, công tắc, đèn, ampe kế, vôn kế, mẫu báo cáo |  | | ***34*** | Tiết 34: An toàn khi sử dụng điện | - |  | | ***35*** | Tiết 35: Ôn tập tổng kết phần III: Điện học | - |  | | ***36*** | Tiết 36: Ôn tập | - |  | | ***37*** | Kiểm tra học kì II | - |  |   **MÔN: VẬT LÝ 8**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **ĐỒ DÙNG** | **GHI CHÚ** | | ***1*** | **Chương I- Cơ học**  Tiết 1: Chuyển động cơ | ***-*** |  | | ***2*** | Tiết 2: Tốc độ | ***-*** |  | | ***3*** | Tiết 3: Chuyển động đều. Chuyển động không đều | ***-*** |  | | ***4*** | Tiết 4: Ôn tập | ***-*** |  | | ***5*** | Tiết 5: Biểu diễn lực | Thước |  | | ***6*** | Tiết 6: Quán tính | Thước |  | | ***7*** | Tiết 7: Lực ma sát | Khối gỗ, bi sắt |  | | ***8*** | Tiết 8:lực ma sát (tt) |  |  | | ***9*** | *Tiết 9: Ôn tập* | - |  | | ***10*** | Tiết 10: Kiểm tra 1 tiết | - |  | | ***11*** | Tiết 11: Áp suất |  |  | | ***12*** | Tiết 12: Áp suất chất lỏng. Bình thông nhau | Bình thông nhau |  | | ***13*** | Tiết 13: Áp suất chất lỏng. Bình thông nhau (tt) |  |  | | ***14*** | Tiết 14: Áp suất khí quyển |  |  | | ***15*** | Tiết 15: Ôn tập |  |  | | ***16*** | Tiết 16: Lực đẩy Ác-si-mét | Cốc TN lực kế, vật nặng |  | | ***17*** | Tiết 17: Sự nổi |  |  | | ***18*** | Tiết 18: Ôn tập |  |  | | ***19*** | Tiết 19: Kiếm tra học kì I |  |  | | ***20*** | Tiết 20: Thực hành :Lực đẩy Ác-si-mét | Giá Tn, lực kế, quả nặng, cốc, mẫu báo cáo |  | | ***21*** | Tiết 21: Công | - |  | | ***22*** | Tiết 22:Định luật về công |  |  | | ***23*** | Tiết 23: Công suất | - |  | | ***24*** | Tiết 24: cơ năng | - |  | | ***25*** | Tiết 25:Sự chuyển hóa cơ năng | - |  | | ***26*** | Tiết 26: Ôn tập tổng kết phần I: Cơ học | - |  | | ***27*** | *Tiết 27: Kiểm tra 1 tiết* |  |  | | ***28*** | **Chương II: Nhiệt học**  Tiết 28: Các chất được cấu tạo như thế nào ? | -cốc TN |  | | ***29*** | Tiết 29: Nguyên tử, phân tử chuyển động hay đứng yên ? | cốc TN |  | | ***30*** | Tiêt 30: Nhiệt năng | cốc TN |  | | ***31*** | Tiết 31: Công thức tính nhiệt lượng.Phương trình cân bằng nhiệt ( tiết 1) | Cốc Tn, đèn cồn, nhiệt kế, giá đỡ |  | | ***32*** | Tiết 32: Công thức tính nhiệt lượng.Phương trình cân bằng nhiệt (tiết 2) |  |  | | ***33*** | Tiết 33: Dẫn nhiệt | Giá TN, thanh kim loại, đèn cồn |  | | ***34*** | Tiết 34: Đối lưu. Bức xạ nhiệt | Cốc Tn , thuốc tím |  | | ***35*** | Tiết 35: Ôn tập |  |  | | ***36*** | Tiết 36: Ôn tập tổng kết chương II Nhiệt học |  |  | | ***37*** | Kiểm tra học kì II |  |  |   **MÔN: VẬT LÝ 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **BÀI DẠY** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** | **GHI CHÚ** | | ***1*** | Tiết 1: mối liên hệ giữa cường độ dòng điện và hiệu điện thế ở hai đầu vật dẫn | Nguồn điện, điện trở, dây dẫn, am pe kế, vôn kế |  | | Tiết 2: Điện trở của dây dẫn. Định luật Ôm | Nguồn điện, điện trở, dây dẫn, am pe kế, vôn kế |  | | ***2*** | Tiết 3: Đoạn mạch nối tiếp-Đoạn mạch song song (tiết 1) | - |  | | Tiết 4: Đoạn mạch nối tiếp - Đoạn mạch song song ( tiết 2) | - |  | | ***3*** | Tiết 5, 6: Bài tập vận dụng định luật Ôm. Luyện tập | - |  | | ***4*** | Tiết 7,8: Các yếu tố ảnh hưởng đến điện trở của dây dẫn.Luyện tập | Nguồn điện, điện trở, dây dẫn, am pe kế, vôn kế |  | | ***5*** | Tiết 9, 10: Biến trở. Luyện tập | Biến trở |  | | ***6*** | Tiết 11, 12 : Bài tập về điện trở và định luật Ôm . Luyện tập | ***-*** |  | | ***7*** | Tiết 13, 14: Công và Công suất của dòng điện. Luyện tập | ***-*** |  | | ***8*** | Tiết 15: Công và công suật của điện trở-Định luật Joule-Lenz | ***-*** |  | | Tiết 16: Bài tập về công và công suất điện (tiết 1) | ***-*** |  | | ***9*** | Tiết 17: Bài tập về công và công suất điện (tiết 2) | ***-*** |  | | Tiết 18: Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện. Luyện tập ( tiết 1) | ***-*** |  | | ***10*** | Tiết 19: Sử dụng an toàn và tiết kiệm điện. Luyện tập ( tiết 2) | ***-*** |  | | Tiết 20: Bài tập tổng hợp phần Điện học | ***-*** |  | | ***11*** | Tiết 21,22 Thực hành: Đo điện trở của 1 vật dẫn: | Nguồn điện, 1 số điện trở, dây dẫn, am pe kế, vôn kế, mẫu báo cáo |  | | ***12*** | Tiết 23: Ôn tập tổng kết phần I:Điện học  Tiết 24: Ôn tập |  |  | | ***13*** | Tiết 25: Kiểm tra 1 tiết |  |  | | **Phần II: Điện từ học**  Tiết 26: Tác dụng từ của nam châm, của dòng điện | Nam châm, kim nam châm |  | | ***14*** | Tiết 27, 28: Từ trường Luyện tập | Nam châm, kim nam châm |  | | ***15*** | Tiết 29, 30: Nam châm điện và 1 số ứng dụng của nam châm. Luyện tập | Nguồn điện, dây dẫn, nam châm điện, kim nam châm |  | | ***16*** | Tiết 31: Lực điện từ. Luyện tập | ***-*** |  | | ***17*** | Tiết 33, 34: Bài tập từ trường và lực điện từ. luyện tập | ***-*** |  | | ***18*** | Tiết 35,36: Hiện tượng cảm ứng điện từ  Tiết 37: Ôn tập |  |  | | 19 | Tiết 38: Kiểm tra học kì I |  |  | | ***20*** | Tiết 39, 40: Dòng điện xoay chiều và máy phát điện xoay chiều. Luyện tập | ĐDDH  Mô hình máy phát điện |  | | ***21*** | Tiết 41, 42: Tác dụng của dòng điện xoay chiều. Đo cường độ và hiệu điện thế xoay chiều. | Nguồn điện, đèn, dây dẫn, am pe kế, vôn ***kế*** |  | | ***22*** | Tiết 43,44: Máy biến thế- Truyền tải điện năng đi xa | Máy biến thế |  | | ***23*** | Tiết 45: Bài tập tổng hợp phần Điện từ học | - |  | | Tiết 46,47: Thực hành: Chế tạo la bàn và động cơ điện 1 chiều | La bàn, nam châm trắng, nguồn điện, dây dẫn |  | | ***24*** | Tiết 48: Ôn tập | - |  | | ***25*** | Tiết 49: Kiểm tra 1 tiết | - |  | | ***26*** | **Phần III- Quang học**  Tiết 50, 51: Hiện tượng khúc xạ ánh sáng. Luyện tập |  |  | | ***27*** | Tiết 52,53,54,55: Thấu kính.Luyện tập | Thấu kính |  | | ***28*** | Tiết 56,57,58: Mắt.Luyện tập | - |  | | ***29*** | | ***30*** | Tiết 59: Kính Lúp | Kính lúp |  | | ***31*** | Tiết 60,61: Bài tập quang hình học | - |  | | ***32*** | Tiết 62, 63: Ánh sáng trắng và ánh sáng màu. Luyện tập |  |  | | ***33*** | Tiết 66: Bài tập tổng hợp phần quang học |  |  | | ***34*** | Tiết 67,Tiết 68: Thực hành : Đo tiêu cự của tKHT-Ánh sáng và tác dụng của ánh sáng | Nguồn sang, vật F, thấu kính hội tụ, giá quang học, mẫu báo cáo |  | | ***35*** | Tiết 69: Ôn tập tổng kết chương III: Quang học |  |  | | ***36*** | **Phần IV: Sự bảo toàn và chuyển hóa năng lượng**  Tiết 70,71: Năng lượng và sự chuyển hóa năng lượng: Định luật bảo toàn năng lượng |  |  | | ***37*** | Tiết 72,73 : Ôn tập |  |  | | ***38*** | Tiết 74: Kiểm tra học kì II |  |  | |
| **KẾ HOẠCH MƯỢN ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **MÔN: HÓA 8**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **PPCT** | **BÀI DẠY** | **ĐDDH** | | **2** | 4 | Bài thực hành 1 | -Dụng cụ: ống nghiệm, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, phễu  -Hóa chất:Muối và cát | | **5** | 10 | Bài thực hành 2 | -Dụng cụ: ống nghiệm, đũa thủy tinh, bát, giá  -Hóa chất:Thuốc tím | | **9** | 17 | Sự biến đổi chất | -Dụng cụ: ống nghiệm, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, nam châm  -Hóa chất:Fe, S | | **10** | 20 | Bài thực hành 3 | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ gọt, ống hút  -Hóa chất:Ca(OH)2, Na2SO3, nước | | **11** | 21 | Định luật bảo toàn khối lượng | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc  -Hóa chất:BaCl2, Na2SO4 | | **20** | 39  40 | Tính chất của oxi (I, II.1)  Tính chất của oxi (tt) (II.2, II.3) | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác  -Hóa chất:khí oxi, S,P, Fe | | **21** | 41 | Sự oxi hóa. Phản ứng hóa hợp. Ứng dụng của oxi | Tranh | | **22** | 43 | Điều chế khí oxi. Phản ứng phân hủy | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:khí oxi, S,P, Fe | | **23** | 46 | Bài thực hành 4 | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:khí oxi, S,P, Fe | | **25** | 49  50 | Tính chất- ứng dụng của Hidrô (I, II.1)  Tính chất - ứng dụng của Hidrô (tt) (II.2, III) | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:HCl, Zn, khí oxi, CuO | | **26** | 52 | Điều chế khí hidrô. Phản ứng thế | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:HCl, Zn, khí oxi, CuO | | **27** | 53 | Bài thực hành 5 | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:HCl, Zn, khí oxi, CuO | | **29** | 57 | Nước (tt) (II) | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:H2O, Na, CaO | | **31** | 61 | Bài thực hành 6 | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, cốc, đèn cồn, giá, bình tam giác, chậu thủy tinh, dẫn khí  -Hóa chất:H2O, Na, CaO | |   **MÔN: HÓA 9**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **PPCT** | **BÀI DẠY** | **ĐDDH** | | **2** | 3 | Moät soá oxit quan troïng (A) | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá,cốc  -Hóa chất: CaO, H2O, HCl | | **3** | 5 | Tính chaát hoùa hoïc cuûa axit | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc  -Hóa chất: HCl, quỳ tím, Zn, CuO, NaOH | | **4** | 7  8 | Moät soá axit quan troïng (tt) (II.2, III, IV, V)  Thöïc haønh: TCHH cuûa oxit vaø axit | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc  -Hóa chất: HCl, quỳ tím, Zn, CuO, NaOH, H2SO4, BaCl2 | | **6** | 11  12 | Tính chaát hoùa hoïc cuûa bazô  Moät soá bazô quan troïng (A) | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất: HCl, quỳ tím, pp, NaOH, H2SO4, CuSO4 | | **7** | 14 | Tính chaát hoùa hoïc cuûa muoái | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất: BaCl2,Na2SO4 , NaOH, H2SO4, CuSO4, Fe | | **9** | 18 | Thöïc haønh:TCHH cuûa bazô, muoái | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất: BaCl2,Na2SO4 , NaOH, H2SO4, CuSO4, Fe | | **11** | 22 | Tính chaát hoùa hoïc cuûa kim loaïi | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc  -Hóa chất: H2SO4, CuSO4, Fe | | **12** | 24 | Nhoâm | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất: Al , NaOH, H2SO4, CuSO4, Fe | | **13** | 25  26 | Saét  Thöïc haønh:TCHH cuûa nhoâm, saét | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất:Al, NaOH, H2SO4, CuSO4, Fe | | **20** | 39 | Axit cacbonic và muối cacbonat | -Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất:Na2CO3, NaHCO3, HCl, NaOH | | **21** | 41  42 | Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học  Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tt) | Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học | | **22** | 44 | TH: TCHH cuả phi kim và hợp chất của chúng | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất:Na2CO3, NaHCO3, HCl, NaOH, Cacbon | | **23** | 45 | Khái niệm hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn  -Hóa chất:Bông, nước vôi trong | | **24** | 48 | Etilen | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Rượu etylic, H2SO4, dd brom | | **25** | 49  50 | Axetylen  Benzen | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Đất đèn, H2O, dd brom, Benzen, dầu ăn | | **28** | 55  56 | TH: TCHH cuả Hidrocacbon  Rượu etylic | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Đất đèn, H2O, dd brom, Benzen, dầu ăn,Rượu etylic, H2SO4  Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Rượu etylic, Na | | **29** | 57 | Axit axetic | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Axit axetic, quỳ tím, Zn, CuO, Rượu etylic, H2SO4 | | **31** | 62 | TH: TCHH cuả rượu và axit | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Axit axetic, quỳ tím, Zn, CuO, Rượu etylic, H2SO4 | | **32** | 63  64 | Glucozo  Saccarozo | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Glucozo, NH3, AgNO3 | | **33** | 66 | TH: TCHH của gluxit | Dụng cụ: ống nghiệm, ống nhỏ giọt, đũa thủy tinh, bát, giá, cốc, đèn cồn, ống dẫn khí  -Hóa chất:Glucozo, NH3, AgNO3 |   **MÔN: SINH HỌC 6**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | | 1 | **1** | Đặc điểm của cơ thể sống + 1/2 Nhiệm vụ của sinh học | Tranh | 20 | **39** | Thụ phấn( tt) | Tranh | | **2** | 1/2 Nhiệm vụ của sinh học + Đặc điểm chung của thực vật) | Tranh | **40** | Thụ tinh, kết hạt và tạo quả | Tranh | | 2 | **3** | Có phải tất cả thực vật đều có hoa ? | Tranh | 21 | **41** | Các loại quả. | Mẫu + Tranh | | **4** | Thực hành - Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng; | Dụng cụ | **42** | Hạt và các bộ phận của hạt. | Tranh | | 3 | **5** | Thực hành - quan sát tế bào thực vật | Mẫu + Tranh | 22 | **43** | Phát tán của quả và hạt; | Mẫu + Tranh | | **6** | Cấu tạo tế bào thực vật. | Tranh | **44** | Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm. | Mẫu | | 4 | **7** | Sự lớn lên và phân chia của tế bào | Tranh | 23 | **45** | Tổng kết về cây có hoa | Tranh | | **8** | Các loại rễ, các miền của rễ. | Tranh + Mẫu | **46** | Tổng kết về cây có hoa (tiếp theo) | Mẫu | | 5 | **9** | Cấu tạo miền hút của rễ. | Tranh | 24 | **47** | Tảo | Tranh | | **10** | Sự hút nước và muối khoáng của rễ. | Tranh | **48** | Rêu - Cây rêu. | Tranh | | 6 | **11** | Sự hút nước và muối khoáng của rễ ( tt) | Tranh | 25 | **49** | Quyết - Cây dương xỉ | Tranh | | **12** | Thực hành - Quan sát biến dạng của rễ. | Tranh + Mẫu | **50** | Hạt trần - Cây thông | Tranh | | 7 | **13** | Cấu tạo ngoài của thân | Mẫu + Tranh | 26 | **51** | Hạt kín - Đặc điểm của thực vật Hạt kín. | Mẫu | | **14** | Thân dài ra do đâu | Mẫu | **52** | Lớp Hai lá mầm và lớp Một lá mầm | Tranh + Mẫu | | 9 | **17** | Vận chuyển các chất trong thân | Mẫu | 28 | **55** | Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật | Tranh | | 11 | **21** | Đặc điểm bên ngoài của lá; | Tranh + Mẫu | 30 | **59** | Thực vật bảo vệ đất và nguồn nước; | Tranh | | **22** | Cấu tạo trong của phiến lá | Tranh | **60** | Vai trò của thực vật đối với động vật và đối với đời sống con người; | Tranh | | 12 | **23** | Quang hợp; | Mẫu | 31 | **61** | Bảo vệ sự đa dạng của thực vật | Tranh | | **24** | Quang hợp (tiếp theo) | Tranh Mẫu | **62** | Vi khuẩn; | Tranh | | 13 | **25** | Ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quang hợpÝ nghĩa của quang hợp; | Tranh | 32 | **63** | Vi khuẩn (tiếp theo); | Tranh | | **26** | Cây có hô hấp không ? | Mẫu | **64** | Nấm: Mốc trắng và Nấm rơm; | Tranh + Mẫu | | 14 | **27** | Phần lớn nước vào cây đã đi đâu? | Tranh Mẫu | 33 | **65** | Nấm: Đặc điểm sinh học và tầm quan trọng của nấm. | Tranh | | 16 | **31** | Cấu tạo và chức năng của hoa | Tranh + Mẫu | 35 | **69** | Địa y | Tranh |   **MÔN: SINH HỌC 7**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | | 1 | **1** | Thế giới động vật đa dạng phong phú | Tranh | 20 | **39** | Cấu tạo trong của cá Chép | Tranh | | **2** | Phân biệt động vật với thực vật. Đặc điểm chung của động vật | Tranh | **40** | Sự đa dạng và đặc điểm chung của cá | Tranh | | 2 | **3** | Thực hành -Quan sát một số động vật nguyên sinh | Tranh + Mẫu | 21 | **41** | Lớp lưỡng cư -Ếch đồng | Tranh | | **4** | Trùng roi | Tranh | **42** | TH: Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ | Tranh + Mẫu + Dụng cụ | | 3 | **5** | Trùng biến hình và trùng giày | Tranh | 22 | **43** | Đa dạng và đặc điểm chung của lớp Lưỡng cư | Tranh | | **6** | Trùng kiết lị và trùng sốt rét; | Tranh | **44** | Lớp Bò sát-Thằn lằn bóng đuôi dài | Tranh | | 4 | **7** | Đặc điểm chung - vai trò thực tiễn của động vật nguyên sinh | Tranh | 23 | **45** | Cấu tạo trong của Thằn lằn | Tranh | | **8** | Thuỷ tức | Tranh + Mẫu | **46** | Sự đa dạng của lớp Bò sát. | Tranh | | 5 | **9** | Đa dạng của ngành Ruột khoang | Tranh | 24 | **45** | Lớp Chim -Chim Bồ Câu. | Tranh | | **10** | Đặc điểm chung và vai trò của ngành Ruột khoang. | Tranh | **48** | Thực hành - Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim Bồ câu; | Tranh + Mô hình | | 6 | **11** | Sán lá gan | Tranh | 25 | **49** | Cấu tạo trong của chim Bồ Câu; | Tranh | | **12** | Một số giun dẹp khác. | Tranh | **50** | Đa dạng và vai trò của lớp Chim. | Tranh | | 7 | **13** | Giun đũa | Tranh | 26 | **51** | Thỏ. | Tranh | | **14** | Một số giun tròn khác. | Tranh | **52** | Cấu tạo trong của thỏ | Tranh + Mô hình | | 8 | **15** | Thực hành: Quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của giun đất. | Tranh + Mẫu + Dụng cụ | 27 | **53** | Đa dạng của thú | Tranh | | **16** | Thực hành: Mổ và quan sát giun đất. | Mẫu + Dụng cụ | **54** | Đa dạng của thú (tiêp theo) | Tranh | | 9 | **17** | Một số giun đốt khác. | Tranh | 28 | **55** | Đa dạng của thú (tiêp theo) | Tranh | | **22** | Thực hành - quan sát một số thân mềm. | Tranh | **60** | Tiến hoá về tổ chức cơ thể | Tranh | | 12 | **23** | Đặc điểm chung và vai trò của thân mềm | Tranh | 31 | **61** | Sự tiến hoá và hình thức sinh sản ở Động vật | Tranh | | **24** | Thực hành: quan sát cấu tạo ngoài và hoạt động sống của tôm sông. | Mẫu + Dụng cụ | **62** | Cây phát sinh giới động vật | Tranh | | 13 | **25** | TH - Mổ và quan sát tôm sông. | Mẫu,  Dụng cụ | 32 | **63** | Đa dạng sinh học | Tranh | | **26** | Đa dạng và vai trò của lớp Giáp xác. | Tranh | **64** | Đa dạng sinh học (tiếp theo) | Tranh | | 14 | **27** | Lớp Hình nhện | Tranh | 33 | **65** | Biện pháp đấu tranh sinh học | Tranh | | 16 | **31** | Thực hành - Xem băng hình về tập tính của sâu bọ. | Đoạn phim | 35 | **69** | Động vật quý hiếm | Tranh | | 16 | **32** | Đặc điểm chung và vai trò của ngành Chân khớp | Tranh | **70** | TH:Tìm hiểu một số động vật có tầm quan trọng đối với kinh tế ở địa phương | Đoạn phim |     **MÔN: SINH HỌC 8**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | |  | **2** | Cấu tạo cơ thể người | Tranh |  | **40** | Tiêu chuẩn ăn uống và nguyên tắc lập khẩu phần | Tranh | | 2 | **3** | Tế bào | Tranh | 21 | **41** | Thực hành: Phân tích 1 khẩu phần cho trước | Tranh | | **4** | Mô | Tranh | **42** | Bài tiết và cấu tạo cơ quan bài tiết nước tiểu | Tranh | | 3 | **5** | Thực hành: Quan sát tế bào và mô | Tranh, kính hiển vi | 22 | **43** | Bài tiết nước tiểu | Tranh | | 4 | **7** | Bộ xương | Tranh | 23 | **45** | Cấu tạo và chức năng của da | Tranh | | **8** | Cấu tạo và tính chất của xương | Tranh + Mẫu | **46** | Vệ sinh da | Tranh | | 5 | **9** | Cấu tạo và tính chất của cơ | Tranh | 24 | **45** | Giới thiệu chung hệ thần kinh | Tranh | | **10** | Hoạt động của cơ | Tranh, dụng cụ co cơ | **48** | Thực hành: Tìm hiểu chức năng của tủy sống | Tranh, dụng cụ Mô hình | | 6 | **11** | Tiến hóa hệ vận động – vệ sinh hệ vận động | Tranh | 25 | **49** | Dây thần kinh tủy | Tranh | | **12** | TH: Tập sơ cứu và băng bó gãy xương | Tranh , bộ nẹp | **50** | Trụ não, tiểu não, não trung gian | Tranh, mô hình | | 7 | **13** | Máu và môi trường trong cơ thể | Tranh | 26 | **51** | Đại não | Tranh, mô hình | | **14** | Bạch cầu và miễn dịch | Tranh | **52** | Hệ thần kinh sinh dưỡng | Tranh + Mô hình | | 8 | **15** | Đông máu và nguyên tắc truyền máu | Tranh | 27 | **53** | Cơ quan phân tích thị giác | Tranh, mô hình | | **16** | Tuần hoàn máu và lưu thông bạch huyết | Tranh | **54** | Vệ sinh mắt | Tranh | | 9 | **17** | Tim và mạch máu | Tranh | 28 | **55** | Cơ quan phân tích thính giác | Tranh | | **18** | Vận chuyển máu qua hệ mạch – vệ sinh hệ tuần hoàn | Tranh | **56** | Phản xạ CĐK, phản xạ KĐK | Tranh | | 12 | **23** | Vệ sinh hô hấp | Tranh | 31 | **61** | Giới thiệu chung tuyến nội tiết | Tranh | | **24** | Thực hành: Hô hấp nhân tạo | Tranh Dụng cụ | **62** | Tuyến yên, tuyến giáp | Tranh | | 13 | **25** | Tiêu hóa và các cơ quan tiêu hóa | Tranh | 32 | **63** | Tuyến tụy, tuyến trên thận | Tranh | | **26** | Tiêu hóa ở khoang miệng | Tranh | **64** | Tuyến sinh dục | Tranh | | 16 | **31** | Trao đổi chất | Tranh | 35 | **69** | Sự điều hòa và phối hợp hoạt động tuyến nội tiết | Tranh |     **MÔN: SINH HỌC 9**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | **TUẦN** | **TIẾT** | **TÊN BÀI HỌC** | **ĐDDH** | | 1  3  4 | **1** | Menden và di truyền học | Tranh | 20  22  23 | **39** | Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần | Tranh | | **2** | Lai một cặp tính trạng | Tranh | **40** | Ưu thế lai | Tranh | | **6** | Thực hành: Tính xác suất xuất hiện của… | Tranh | **44** | Thực hành: Tìm hiểu thành tựu chọn giống… | Tranh | | **8** | Nhiễm sắc thể | Tranh | **46** | Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống SV | Tranh | | 6 | **11** | Sự phát sinh giao tử và thụ tinh | Tranh | 25 | **49** | Thực hành: Tìm hiểu môi trường và NTST | Tranh | | **12** | Cơ chế NST xác định giới tính | Tranh | **50** | Thực hành: Tìm hiểu môi trường và NTST | Tranh | | 7 | **13** | Di truyền liên kết | Tranh | 26 | **51** | Quần thể sinh vật | Tranh | | **14** | Thực hành quan sát hình thái NST | Tranh | **52** | Quần thể người | Tranh | | 8 | **15** | ADN | Tranh, mô hình | 27 | **53** | Quần xã sinh vật | Tranh | | **16** | ADN và bản chất của gen | Tranh | **54** | Hệ sinh thái | Tranh | | 9  10 | **17** | Mối quan hệ giữa gen và ARN | Tranh | 28 | **55** | Thực hành: Hệ sinh thái | Tranh | | **18** | Protein | Tranh | **56** | Thực hành: Hệ sinh thái | Tranh | | **20** | Thực hành: Quan sát và lắp mô hình ADN | Mô hình | **58** | Tác động của con người đối với môi trường | Tranh | | **22** | Đột biến gen | Tranh | **59**  **60** | Ô nhiễm môi trường | Tranh | | 12 | **23** | Đột biến cấu trúc NST | Tranh | 31 | **61** | Thực hành: Tìm hiểu ô nhiễm môi trường | Tranh | | **24** | Đột biến số lượng NST | Tranh | **62** | Thực hành: Tìm hiểu ô nhiễm môi trường | Tranh | | 13 | **25** | Đột biến số lượng NST (tt) | Tranh | 32 | **63** | Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên | Tranh | | **26** | Thường biến | Tranh | **64** | Khôi phục MT và giữ gìn thiên nhiên… | Tranh | | 14 | **27** | Thực hành: Quan sát 1 số đột biến | Tranh, mẫu | 33 | **65** | Bảo vệ đa dạng môi trường | Tranh | | 16 | **31** | Di truyền học với con người | Tranh | 35 | **69** | Luật bảo vệ môi trường - Thực hành: Vận dụng luật BVMT… | Tranh | |